

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2019/DS-ST**

Ngày 28/8/2019

“Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Hữu Bình.
2. Ông Nguyễn Tiến Quân.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS, ngày 17/7/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS, ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Vũ T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 05 (thôn H 1 cũ), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Phan Thành C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Tân Hải T (thôn T1 cũ), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Trần Vũ T có mặt tại phiên tòa;

Anh Phan Thành C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa Anh Trần Vũ T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 23 tháng 7 năm 2017 anh có cho Anh Phan Thành C vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), khi vay anh C nói là vay để làm vốn kinh doanh, anh C có viết giấy vay tiền cho anh, giấy vay tiền thể hiện Anh Phan Thành C vay của anh số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 23 tháng 7 năm 2017 hạn đến ngày 30 tháng 10 năm 2017 trả, anh C có ký và ghi rõ họ tên vào giấy vay

tiền để xác nhận nợ. Nhưng từ khi đến hạn anh đã đòi nhiều lần anh C không trả. Hiện tại anh C đi làm ăn ở đâu không rõ, anh đã đến nhà anh C nhiều lần nhưng không gặp, không đòi được tiền. Anh gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh C trả cho anh số tiền anh C còn nợ anh theo giấy vay nợ đã thể hiện là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), anh không yêu cầu anh C trả lãi.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi Anh Phan Thành C đến để giải quyết vụ án nhưng anh C đều vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân thành phố Q tiến hành xác minh nơi cư trú của anh C, kết quả xác minh thể hiện anh C là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và có chỗ ở tại thôn T 1 (nay là thôn Tân Hải T), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; ở cùng nhà và đăng ký hộ khẩu với hộ gia đình ông Phan Thanh N (ông Nghị là bố đẻ của anh C). Hiện nay, anh C đi làm ăn thường xuyên vắng nhà; khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng, phiếu báo phát quay đầu đều thể hiện người nhận thay là ông Phan Thanh N, bố đẻ của anh C. Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh C vẫn cố ý không đến Tòa án để giải quyết việc Anh Trần Vũ T khởi kiện.

Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là các tờ khai chứng minh nhân dân của Anh Phan Thành C tại Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của anh C. Tiến hành trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của anh C theo mẫu giám định là mẫu chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền và các tờ khai chứng minh nhân dân. Tại kết luận giám định số 477/GĐ-KTHS ngày 03 tháng 7 năm 2019, kết luận: 1. Chữ viết trên tài liệu ký hiệu M4 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Phan Thành C dưới mục “người vay tiền”) với chữ viết trên các tài liệu ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người viết; 2. Chữ ký, chữ viết ghi tên Phan Thành C dưới mục “người vay tiền” trên tài liệu ký hiệu M4 với chữ ký, chữ viết ghi tên Phan Thành C trên các tài liệu ký hiệu M1, M2, M3 (trừ phần chữ viết tại mục “18.Dấu vết riêng và dị hình”) là do cùng một người ký và viết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Vũ T, buộc Anh Phan Thành C phải trả nợ cho Anh Trần Vũ T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu

đồng); Anh Phan Thành C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, chi phí giám định; trả lại cho Anh Trần Vũ T số tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch đã đóng; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa của Anh Trần Vũ T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phan Thành C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T 1 (nay là thôn Tân Hải T), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Anh Phan Thành C thể hiện anh C vay của Anh Trần Vũ T số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 23/7/2017 và hẹn đến 30/10/2017 trả. Nhưng đến hạn anh C không trả được tiền cho anh T, anh T đến nhà đòi nhiều lần nhưng không gặp anh C nên đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Q. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Vũ T: Căn cứ kết luận giám định số 477/GĐ-KTHS ngày 03 tháng 7 năm 2019, của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, căn cứ các ý kiến trình bày của Anh Trần Vũ T và Giấy vay tiền do anh T cung cấp, thể hiện: Ngày 23 tháng 7 năm 2017 Anh Phan Thành C có vay của Anh Trần Vũ T số tiền 100.000.000 đồng, có ký và ghi rõ họ tên xác nhận trong giấy vay nợ và hẹn đến ngày 30/10/2017 sẽ trả tiền cho anh T. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả tiền cho anh T mà còn đi làm ăn không ở nhà, không thông báo gì với anh T. Việc Anh Trần Vũ T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết buộc Anh Phan Thành C phải trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận đã thể hiện trong giấy vay tiền và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Vũ T. Đồng Thời, kể từ ngày Anh Trần Vũ T có đơn yêu cầu thi hành án Anh Phan Thành C còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về việc vắng mặt của Anh Phan Thành C: Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Phan Thành C vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành xác minh nơi cư trú, kết quả xác minh thể hiện anh C có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại địa phương. Tuy nhiên, tại thời điểm xác minh anh C đi làm ăn không rõ địa chỉ, thường xuyên vắng nhà. Tòa án đã niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh C vắng mặt là cố ý trốn tránh, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án. Các thủ tục niêm yết và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải

quyết vụ án trong trường hợp cố tình dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, 35, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí giám định: Theo Giấy biên nhận thu tiền bồi dưỡng giám định thể hiện chi phí giám định là 3.660.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*), Anh Trần Vũ T đã nộp tạm ứng khoản tiền chi phí giám định. Do yêu cầu khởi kiện của anh T là đúng quy định và được chấp nhận nên Anh Phan Thành C có nghĩa vụ phải hoàn trả khoản tiền chi phí giám định 3.660.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho Anh Trần Vũ T.

[5] Về án phí: Anh Phan Thành C phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch của vụ án; Anh Trần Vũ T không phải chịu án phí, trả lại cho anh T khoản tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Vũ T: Buộc Anh Phan Thành C có nghĩa vụ trả cho Anh Trần Vũ T số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

2. Về chi phí giám định: Anh Phan Thành C có nghĩa vụ hoàn trả cho Anh Trần Vũ T khoản tiền chi phí giám định, số tiền 3.660.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Anh Phan Thành C phải nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch của vụ án, số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Anh Trần Vũ T không phải nộp án phí; trả lại cho Anh Trần Vũ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000164, ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Vũ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Phan Thành C được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q;
- THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Hữu Bình – Trần Thế Dũng

Lương Thanh Huyền